

# Tình hình sức khỏe doanh nghiệp Việt Nam 2023-2024

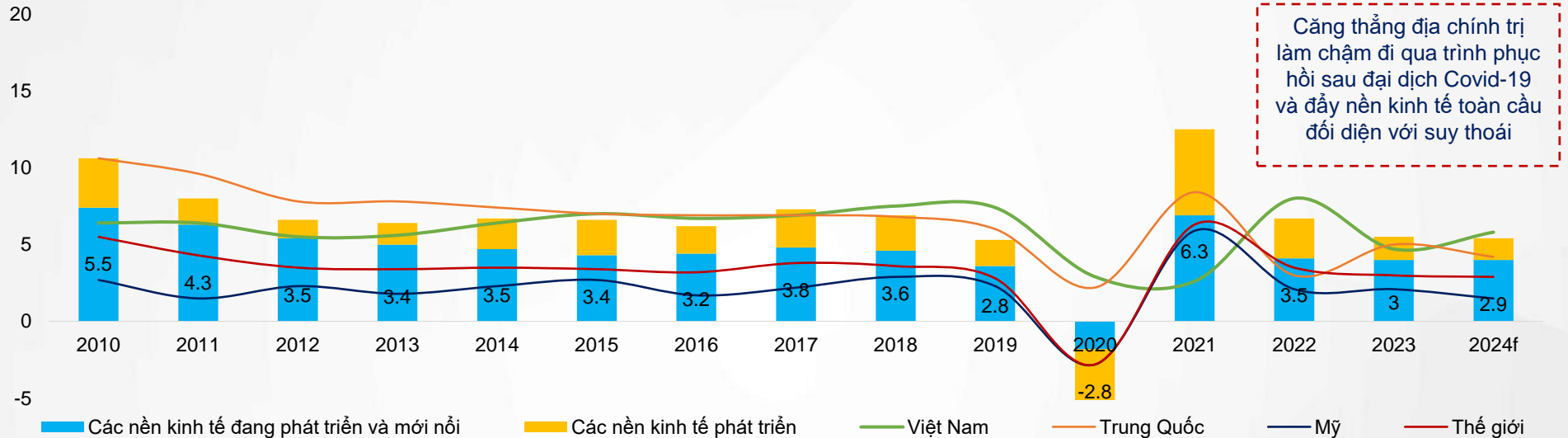
Trình bày bởi: Nguyễn Minh Tú, MBA  
Hà Nội | Tháng 3 năm 2024



# Tổng quan kinh tế toàn cầu

**Kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ “hạ cánh mềm” với một mức tăng trưởng 2.9% sau khi đạt 3% vào năm 2023. Các quốc gia đang phát triển và mới nổi sẽ là những động lực chính của nền kinh tế toàn cầu trong năm 2024.**

**Biểu đồ 1: Tăng trưởng GDP thực của Thế giới (%)**



Căng thẳng địa chính trị làm chậm đi quá trình phục hồi sau đại dịch Covid-19 và đẩy nền kinh tế toàn cầu đối diện với suy thoái

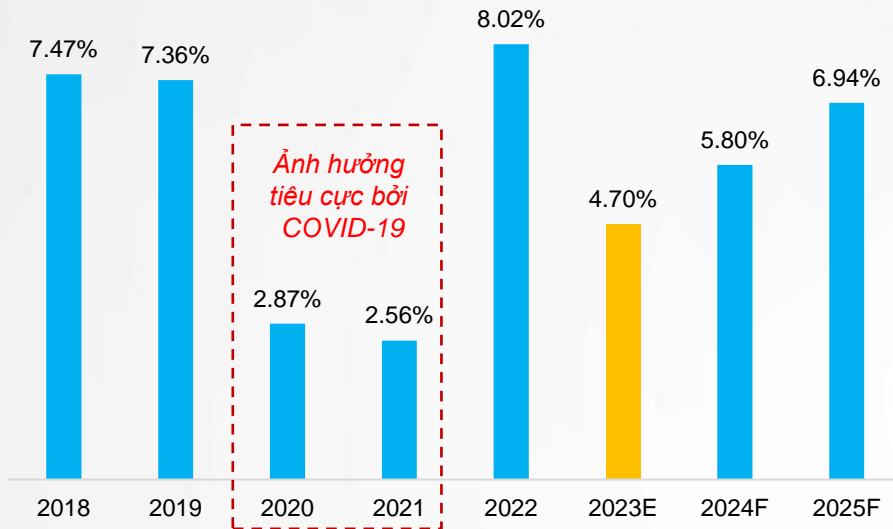
- Tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm hơn đáng kể vào năm 2023 và dự kiến duy trì trong năm 2024 so với tốc độ trung bình hàng năm
- Lạm phát được dự báo sẽ giảm do chính sách tiền tệ thắt chặt hơn, nhưng vẫn ở mức cao. Theo đó, các ngân hàng trung ương các quốc gia có thể vẫn tiếp tục áp dụng 1 số chính sách tiền tệ để ổn định lạm phát. Điều này có thể ảnh hưởng đến chính sách tiền tệ của Việt Nam.
- Môi trường lãi suất hiện đang tăng lên và được dự báo sẽ neo cao trong thời gian tới trong bối cảnh khối nợ công ở 1 số quốc gia ngày một phình to. Điều này có thể ảnh hưởng đến chi phí vay mượn của Việt Nam, tác động đến việc đầu tư và tăng trưởng kinh tế của nước ta.
- Căng thẳng địa chính trị và sự chuyển dịch kinh tế toàn cầu khiến kim ngạch thương mại-đầu tư ghi nhận sự sụt giảm đáng kể. Điều này có thể ảnh hưởng đến mối quan hệ thương mại, FDI, và tăng trưởng kinh tế tổng thể của Việt Nam.

**Tất cả điều này cho thấy rằng sự không chắc chắn sẽ vẫn còn trong những năm tới. Bất chấp những dấu hiệu tích cực ở một số quốc gia, trong đó có Việt Nam, các xung đột quân sự đang diễn ra và sự gián đoạn trong lĩnh vực hậu cần có thể làm thay đổi quá trình phục hồi không bền vững của những quốc gia này**

# Tổng quan kinh tế Việt Nam

**Kinh tế Việt Nam dự kiến sẽ trở lại bình thường vào năm 2024-2025 với những thách thức đáng kể**

**Biểu đồ 2: Tốc độ tăng trưởng GDP thực của Việt Nam (%)**



Nguồn: FiinGate & IMF

**Biểu đồ 2: GDP theo ngành năm 2023**

Tên	2023		
	Giá trị (Nghìn tỷ VND)	Tỷ trọng (%)	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
GDP - Tổng GDP (giá so sánh - tổng số) Công dân	5,830.72	100.00%	5.05%
Công Nghiệp Chế Biến, Chế Tạo	1,339.35	22.97%	3.62%
Nông Nghiệp, Lâm Nghiệp và Thuỷ Sản	630.67	10.82%	3.83%
Bán Buôn và Bán Lẻ, Sửa Chữa Ô Tô, Mô Tô, Xe Máy và Xe Có Động Cơ Khác	537.43	9.22%	8.82%
Xây Dựng	388.20	6.66%	7.06%
Thông Tin và Truyền Thông	332.84	5.71%	4.63%
Vận Tải Kho Bãi	328.59	5.64%	9.18%
Hoạt Động Tài Chính, Ngân Hàng và Bảo Hiểm	319.90	5.49%	6.24%
Hoạt Động Kinh Doanh Bất Động Sản	205.20	3.52%	0.09%
Sản Xuất và Phân Phối Điện, Khí Đốt, Nước Nóng, Hơi Nước và Điều Hoà Không Khí	193.09	3.31%	3.79%
Giáo Dục và Đào Tạo	181.11	3.11%	4.47%
Khai Khoáng	154.45	2.65%	-3.17%
Hoạt Động Chuyên Môn, Khoa Học và Công Nghệ	151.75	2.60%	6.45%
Dịch Vụ Lưu Trú và Ăn Uống	142.48	2.44%	12.24%
Hoạt Động của Đảng Cộng Sản, Tổ Chức Chính Trị - Xã Hội, Quản Lý Nhà Nước, An Ninh Quốc Phòng; Bảo Đảm Xã Hội Bất Bộc	116.93	2.01%	5.30%
Hoạt Động Hành Chính và Dịch Vụ Hỗ Trợ	87.19	1.50%	12.79%
Y Tế và Hoạt Động Trợ Giúp Xã Hội	77.47	1.33%	2.83%
Nghề Thuật, Vui Chơi và Giải Trí	43.84	0.75%	12.63%
Hoạt Động Dịch Vụ Khác	37.53	0.64%	10.17%
Cung Cấp Nước; Hoạt Động Quản Lý và Xử Lý Rác Thải, Nước Thải	31.93	0.55%	5.18%
Hoạt Động Lâm Thuê Các Công Việc Trong Các Hộ Gia Đình, Sản Xuất Sản Phẩm Vật Chất và Dịch Vụ Tư Tiêu Dùng của Hộ Gia Đình	6.20	0.11%	5.00%

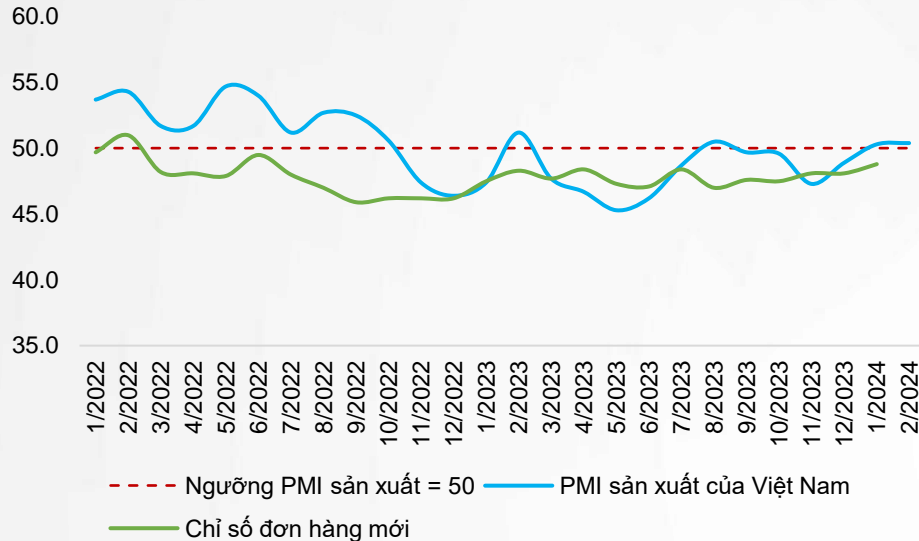
Nguồn: FiinGate

- Tốc độ tăng trưởng của Việt Nam có dấu hiệu chậm lại đáng kể trong năm 2023 do bối cảnh kinh tế thế giới không mấy thuận lợi. Theo đó, năm 2023 được xem là năm có tốc độ tăng trưởng GDP chậm nhất trong 24 năm trở lại đây, ngoại trừ 2 năm đại dịch COVID-19. Điều này phản ánh sự ảnh hưởng của kinh tế thế giới.
- Lạm phát đạt đỉnh 4,9% vào tháng 1/2023 và sau đó giảm mạnh trong những tháng tiếp theo. Tỷ giá hối đoái đã ổn định trước áp lực tài khoản vốn và dự trữ ngoại hối đang phục hồi, với chỉ số CPI cơ bản và tiêu chuẩn hiện ở mức khoảng 3,5%. Điều này tạo cơ sở tốt cho việc nới lỏng tiền tệ có chọn lọc vào năm 2024.
- Bước sang hai tháng đầu năm 2024, dù chưa có số liệu cụ thể, nhưng có thể thấy rằng nền kinh tế Việt Nam đã bắt đầu nhận được những tín hiệu tích cực từ các chính sách hỗ trợ được ban hành trong năm 2023. Các ngành kinh tế tiếp tục được kỳ vọng sẽ phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ hơn, đặc biệt là khi các vấn đề về tắc nghẽn chuỗi cung ứng và bất cập kéo dài được giải quyết, cùng với sự chuyển biến tích cực hơn trong các lĩnh vực doanh nghiệp, dự án đầu tư và thị trường xuất khẩu.

# Tổng quan kinh tế Việt Nam

Với nền kinh tế mở định hướng xuất khẩu, việc kinh tế thế giới trì trệ là thách thức chính đối với thương mại Việt Nam trong thời gian này

Biểu đồ 3: Chỉ số PMI Việt Nam & thế giới 2022-2T2024



Nguồn: FiinGate & S&P Global

Biểu đồ 4: Thống kê tăng trưởng trị giá xuất khẩu 2022-2T2024 (y-o-y)



Nguồn: FiinGate & Hải quan

- Về sản xuất công nghiệp, tình hình gặp nhiều khó khăn khi nhu cầu giảm, sức mua yếu, chi phí đầu vào tăng cao. Chỉ số PMI ngành sản xuất của Việt Nam hầu hết duy trì ở mức dưới ngưỡng 50 điểm trong suốt năm 2023. Chỉ số này tăng lên 50,4 điểm vào tháng 2 năm 2024 từ mức 50,3 điểm của tháng trước. Đây là tháng thứ 2 liên tiếp hoạt động sản xuất mở rộng và là mức cao nhất kể từ tháng 8 năm ngoái, do số lượng đơn đặt hàng mới tăng lên. Tuy nhiên, tốc độ cải thiện vẫn được đánh giá là khiêm tốn và chưa có nhiều bất phá.
- Về xuất khẩu, do khó khăn trong việc tiếp nhận đơn hàng từ thị trường nước ngoài, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trong năm 2023 chỉ đạt 355,5 tỷ USD, giảm 4,36% so với năm trước. Tuy nhiên, chuỗi giảm xuất khẩu dài nhất trong hơn một thập kỷ của Việt Nam đã chạm đáy và có dấu hiệu tăng trưởng trong năm 2024. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2024, trị giá xuất khẩu hàng hóa đạt 59,3 tỷ USD, tăng 19,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 16,14 tỷ USD, tăng 33,3%, chiếm 27,2% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 43,2 tỷ USD, tăng 14,7%, chiếm 72,8%.

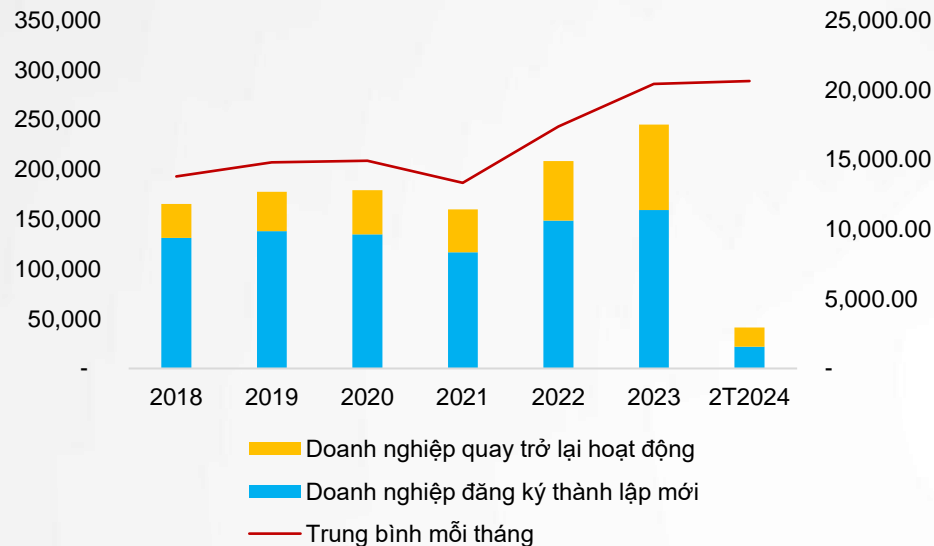
Đà phục hồi nhìn chung vẫn còn tương đối chậm và xu hướng này được dự đoán sẽ tiếp tục trong ngắn hạn do các nền kinh tế lớn trên thế giới vẫn đang gặp nhiều khó khăn trong việc lấy lại đà tăng trưởng, trong khi tiêu dùng toàn cầu vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi rõ rệt.



# Tổng quan kinh tế Việt Nam

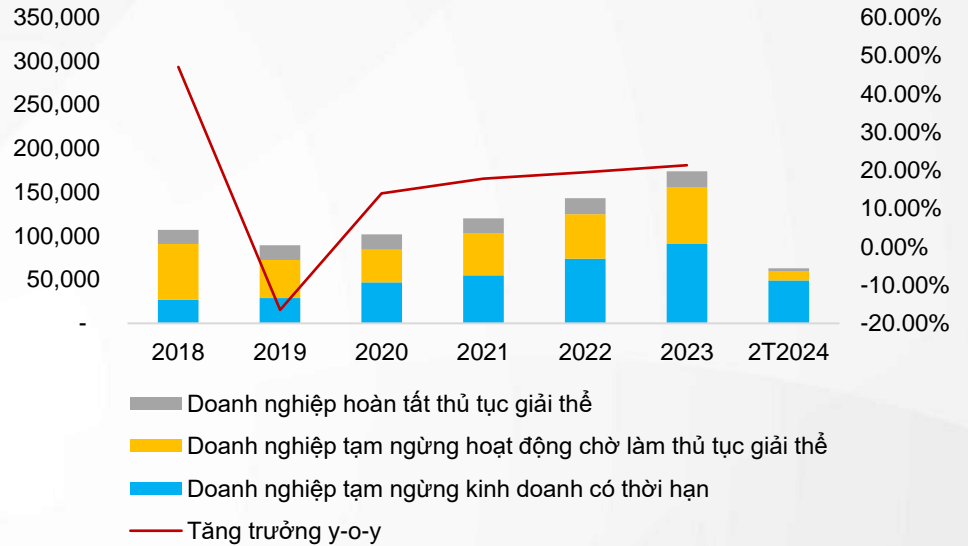
**Tình hình đăng ký doanh nghiệp trong năm 2023 và 2 tháng đầu năm 2024 phản ánh quá trình phục hồi kinh tế liên tục và sự thích nghi của các doanh nghiệp với môi trường sau đại dịch.**

**Biểu đồ 5: Thống kê doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường 2018 – 2T2024 (y-o-y)**



Nguồn: FiinGate & Cục Đăng ký kinh doanh

**Biểu đồ 6: Thống kê doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường 2018 – 2T2024 (y-o-y)**



Nguồn: FiinGate & Cục Đăng ký kinh doanh

- Dữ liệu cho thấy xu hướng tích cực trong việc hình thành doanh nghiệp mới, với sự gia tăng về số lượng doanh nghiệp đăng ký mới, cùng với sự chuyển dịch đáng chú ý trong các ngành thu hút nhiều đăng ký nhất. Theo đó, bên cạnh các ngành truyền thống như thương mại, xây dựng, sản xuất, một số ngành mới nổi như công nghệ, logistics, năng lượng tái tạo cũng tiếp đà thu hút nhiều doanh nghiệp mới.
- Số lượng doanh nghiệp quay trở lại hoạt động cũng tăng nhẹ, cho thấy nền kinh tế có dấu hiệu dần phục hồi
- Số doanh nghiệp rút khỏi thị trường vẫn ở mức cao, tập trung nhiều ở nhóm các doanh nghiệp vừa và nhỏ có quy mô dưới 10 tỷ đồng và có thời gian hoạt động ngắn (dưới 5 năm), phản ánh khó khăn của nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là nhóm các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong đó, hơn 50% doanh nghiệp chọn hình thức tạm ngừng kinh doanh có thời hạn trong năm 2023 và gần 80% doanh nghiệp chọn hình thức này trong 2 tháng đầu năm 2024. Điều này cho thấy nhiều doanh nghiệp tiếp tục chọn giải pháp chờ đợi để xem xét tình hình thị trường và tìm kiếm cơ hội kinh doanh.

**Nhìn chung, hoạt động đăng ký doanh nghiệp mới và rút lui thị trường diễn ra sôi động, phản ánh sự cạnh tranh gay gắt trong bối cảnh kinh tế có nhiều thách thức. Mặc dù có những xu hướng tích cực, một số thách thức vẫn tồn tại**

# Mức độ rủi ro của các doanh nghiệp Việt Nam

Dựa trên tập dữ liệu vĩ mô, dữ liệu ngành, và dữ liệu hồ sơ và tài chính của các doanh nghiệp tại Việt Nam, FiinGroup đã dựng mô hình để đưa ra đánh giá rủi ro của các doanh nghiệp tại Việt Nam, nhằm dự đoán xác suất công ty rơi vào tình trạng khó khăn tài chính trong 12 tháng tới. Dựa trên thông tin đăng ký doanh nghiệp, chúng tôi phân loại và đưa ra mức độ rủi ro chung của các ngành kinh tế của Việt Nam

**Biểu đồ 7: Mức độ rủi ro của các ngành kinh tế Việt Nam 2022-2023**

Tên ngành	2023		Thay đổi	2022	
	Trung vị	Mức độ rủi ro		Trung vị	Mức độ rủi ro
Nông Nghiệp, Lâm Nghiệp và Thuỷ Sản	53.5	Rủi ro trung bình		54	Rủi ro trung bình
Khai Khoáng	38	Rủi ro cao		30	Rủi ro cao
Công Nghiệp Chế Biến, Chế Tạo	46.5	Rủi ro cao		33.5	Rủi ro cao
Sản Xuất và Phân Phối Điện, Khí Đốt, Nước Nóng, Hơi Nước và Điều Hoà Không Khí	54	Rủi ro trung bình	↘	48.5	Rủi ro cao
Cung Cấp Nước; Hoạt Động Quản Lý và Xử Lý Rác Thải, Nước Thải	53.5	Rủi ro trung bình		55	Rủi ro trung bình
Xây Dựng	55	Rủi ro trung bình		55	Rủi ro trung bình
Bán Buôn và Bán Lẻ; Sửa Chữa Ô Tô, Mô Tô, Xe Máy và Xe Có Động Cơ Khác	42	Rủi ro cao	↗	54.5	Rủi ro trung bình
Vận Tải Kho Bãi	52	Rủi ro trung bình		51	Rủi ro trung bình
Dịch Vụ Lưu Trú và Ăn Uống	54.5	Rủi ro trung bình		53	Rủi ro trung bình
Thông Tin và Truyền Thông	54	Rủi ro trung bình		55	Rủi ro trung bình
Hoạt Động Tài Chính, Ngân Hàng và Bảo Hiểm	49	Rủi ro cao	↗	54	Rủi ro trung bình
Hoạt Động Kinh Doanh Bất Động Sản	37.5	Rủi ro cao	↗↗	79	Rủi ro thấp
Hoạt Động Chuyên Môn, Khoa Học và Công Nghệ	54.5	Rủi ro trung bình		54	Rủi ro trung bình
Hoạt Động Hành Chính và Dịch Vụ Hỗ Trợ	54	Rủi ro trung bình		54	Rủi ro trung bình
Hoạt Động của Đảng Cộng Sản, Tổ Chức Chính Trị - Xã Hội, Quản Lý Nhà Nước, An Ninh Quốc Phòng; Bảo Đảm Xã Hội Bất Buộc	54.5	Rủi ro trung bình		53.5	Rủi ro trung bình
Giáo Dục và Đào Tạo	53	Rủi ro trung bình		53.5	Rủi ro trung bình
Y Tế và Hoạt Động Trợ Giúp Xã Hội	54	Rủi ro trung bình		54.5	Rủi ro trung bình
Nghệ Thuật, Vui Chơi và Giải Trí	53	Rủi ro trung bình		53.5	Rủi ro trung bình
Hoạt Động Dịch Vụ Khác	50	Rủi ro trung bình		55	Rủi ro trung bình
Hoạt Động Làm Thuê Các Công Việc Trong Các Hộ Gia Đình, Sản Xuất Sản Phẩm Vật Chất và Dịch Vụ Tự Tiêu Dùng của Hộ Gia Đình	53	Rủi ro trung bình		54.5	Rủi ro trung bình
Hoạt Động của Các Tổ Chức và Cơ Quan Quốc Tế	55	Rủi ro trung bình	↗	72	Rủi ro thấp

Nguồn: FiinGate

Mức độ rủi ro	2023	2022
Rủi ro rất cao	0	0
Rủi ro cao	5	3
Rủi ro trung bình	16	16
Rủi ro thấp	0	2
Rủi ro rất thấp	0	0

Với biến động tiêu cực 2023, một số ngành đã ghi nhận sự thay đổi điểm rủi ro so với năm 2022.

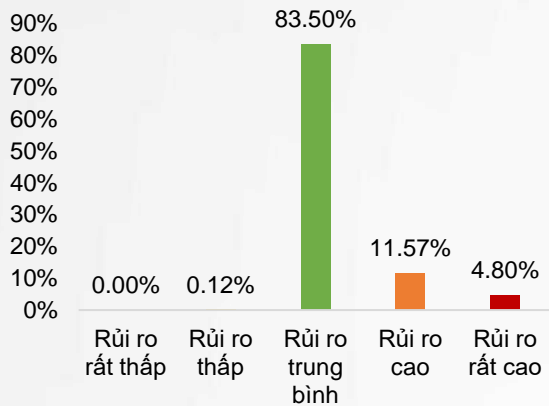
- 5 trên 21 ngành kinh tế tại Việt Nam trong năm 2023 có sự thay đổi mức độ rủi ro so với năm 2022.
  - 5 trên 21 ngành ở mức độ rủi ro cao và không có ngành nào ở mức độ rủi ro thấp và rất thấp so với 3 ngành có mức độ rủi ro cao và 2 ngành ở mức độ rủi ro thấp vào năm 2022.
- Trong đó, có 3 ngành tăng mức độ rủi ro lên mức rủi ro cao, bao gồm, ngành **Bán buôn và bán lẻ, ngành Tài chính, Ngân hàng và Bảo hiểm và ngành Kinh Doanh Bất động sản.**

# Mức độ rủi ro của các doanh nghiệp Việt Nam

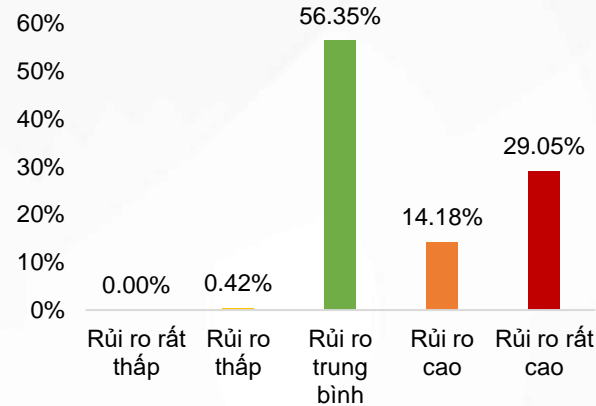
Dựa trên tập dữ liệu vĩ mô, dữ liệu ngành, và dữ liệu hồ sơ và tài chính của các doanh nghiệp tại Việt Nam, FiinGroup đã dựng mô hình để đưa ra đánh giá rủi ro của các doanh nghiệp tại Việt Nam, nhằm dự đoán xác suất công ty rơi vào tình trạng khó khăn tài chính trong 12 tháng tới. Dựa trên thông tin đăng ký doanh nghiệp, chúng tôi phân loại và đưa ra mức độ rủi ro chung của các ngành kinh tế của Việt Nam

**Biểu đồ 8: Phổ điểm rủi ro tín dụng 2023**

## Ngành Bán buôn và bán lẻ



## Ngành Kinh doanh Bất động sản



Nguồn: FiinGate

Đối với ngành Bán buôn và bán lẻ, mức độ rủi ro có thể bị ảnh hưởng bởi sự điều tiết tăng trưởng của ngành dịch vụ khi những tác động cơ bản thấp từ quá trình phục hồi sau COVID-19 bắt đầu giảm dần.

Lĩnh vực này đặc biệt nhạy cảm với nhu cầu của người tiêu dùng, có thể bị ảnh hưởng bởi lạm phát ước tính cao hơn. Với tỷ lệ lạm phát dự kiến sẽ tăng, sức mua của người tiêu dùng có thể bị giảm, dẫn đến doanh số bán lẻ giảm và rủi ro gia tăng cho ngành.

Đó là lý do vì sao chúng tôi nâng mức độ rủi ro của các doanh nghiệp trong ngành này

Ngành Kinh doanh Bất động sản vốn có mức độ rủi ro tăng từ thấp lên cao đang phải đối mặt với những thách thức đặc biệt.

Lĩnh vực bất động sản ở Việt Nam đang gặp nhiều căng thẳng do suy thoái kinh tế đè nặng lên triển vọng tăng trưởng của ngành. Triển vọng của ngành bất động sản có thể có một số tác động đến chất lượng tín dụng và triển vọng tăng trưởng của ngành ngân hàng cũng như tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Mức độ rủi ro gia tăng đối với ngành này cũng có thể phản ánh tác động của tình trạng bất ổn toàn cầu, bao gồm cả cuộc chiến ở Ukraine, đã làm gián đoạn dòng đầu tư và ổn định kinh tế, những yếu tố quan trọng đối với thị trường bất động sản.

Hơn nữa, rủi ro gia tăng của ngành bất động sản có thể trở nên trầm trọng hơn do các chính sách cơ cấu lại nợ đã được áp dụng trước đây hết hạn, khiến người vay gặp khó khăn hơn trong việc quản lý nợ trong bối cảnh kinh tế đầy thách thức. Hiệu suất của ngành cũng gắn chặt với sức khỏe tổng thể của nền kinh tế, vốn đang có dấu hiệu chậm lại, với tốc độ tăng trưởng GDP không đạt mục tiêu của chính phủ.

# Mức độ rủi ro của các doanh nghiệp Việt Nam

Dựa trên tập dữ liệu vĩ mô, dữ liệu ngành, và dữ liệu hồ sơ và tài chính của các doanh nghiệp tại Việt Nam, FiinGroup đã dựng mô hình để đưa ra đánh giá rủi ro của các doanh nghiệp tại Việt Nam, nhằm dự đoán xác suất công ty rơi vào tình trạng khó khăn tài chính trong 12 tháng tới. Dựa trên thông tin đăng ký doanh nghiệp, chúng tôi phân loại và đưa ra mức độ rủi ro chung của các ngành kinh tế của Việt Nam

**Biểu đồ 9: Chỉ tiêu tài chính**

Ngành Bán buôn và bán lẻ

Ngành	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022	Biến động
<b>Khả năng thanh toán</b>							
Tỷ số thanh khoản hiện thời	Lần	1.29	1.27	1.26	1.28	1.29	
Tỷ số thanh khoản nhanh	Lần	0.78	0.78	0.81	0.8	0.81	
Tỷ số thanh toán tiền mặt	Lần	0.21	0.2	0.22	0.22	0.22	
Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0.69	0.69	0.69	0.68	0.68	
Tổng nợ vay/VCSH	Lần	1.59	1.53	1.52	1.48	1.51	
Khả năng trả lãi tiền mặt	Lần	4.36	4.1	4.96	5.23	4.73	
Khả năng thanh toán lãi vay	Lần	1.53	1.18	1.19	1.79	1.7	
Tỷ lệ bảo đảm tài sản	Lần	2.05	1.72	1.72	1.75	1.73	
<b>Hiệu quả quản lý tài sản</b>							
Số ngày thu hồi tiền hàng tồn đọng	Ngày	47.25	48.41	54.22	53.24	46.78	
Số ngày lưu thông hàng tồn kho	Ngày	58.78	55.88	59.92	57.51	56.4	
Số ngày phải trả nhà cung cấp	Ngày	0.14	0.1	0.1	0.04	0.02	
Vòng quay tiền mặt	Ngày	105.89	104.19	114.04	110.71	103.16	
<b>Tỷ suất sinh lời</b>							
Biên lợi nhuận gộp	%	3.94	-4.98	7.02	6.94	6.77	
Biên lợi nhuận ròng	%	7.31	-9.5	12.03	12.18	13	
<b>Tăng trưởng</b>							
Tăng trưởng doanh thu	%	13.36	8.7	-1.98	10.83	20.18	
Tăng trưởng lợi nhuận	%	60.47	432.5	-102.72	-1312.1	-162.92	

Về nội tại tình hình tài chính của các doanh nghiệp trong ngành, ngành bán buôn bán lẻ có tốc độ tăng trưởng doanh thu năm 2022 tăng lên so với năm 2021, nhưng lại cho thấy sự sụt giảm đáng nghiêm trọng về mặt lợi nhuận, một phần nhờ chi phí đầu vào tăng lên.

- Tăng trưởng doanh thu trung bình của toàn ngành vào năm 2022 đạt khoảng 20%, tăng gần gấp đôi so với mức 11% của năm 2021.
- Tuy nhiên, tăng trưởng lợi nhuận vẫn theo đà suy giảm.
- Mặc dù chưa có số liệu cụ thể, nhưng với tình hình không mấy khả quan trong hoạt động thương mại đặc biệt là trong hoạt động xuất nhập khẩu, doanh thu và lợi nhuận của ngành này dự kiến cũng không có nhiều đột phá.

Nguồn: FiinGate



# Mức độ rủi ro của các doanh nghiệp Việt Nam

Dựa trên tập dữ liệu vĩ mô, dữ liệu ngành, và dữ liệu hồ sơ và tài chính của các doanh nghiệp tại Việt Nam, FiinGroup đã dựng mô hình để đưa ra đánh giá rủi ro của các doanh nghiệp tại Việt Nam, nhằm dự đoán xác suất công ty rơi vào tình trạng khó khăn tài chính trong 12 tháng tới. Dựa trên thông tin đăng ký doanh nghiệp, chúng tôi phân loại và đưa ra mức độ rủi ro chung của các ngành kinh tế của Việt Nam

**Biểu đồ 10: Chỉ tiêu tài chính**

Ngành Kinh doanh Bất động sản

Ngành	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022	Biến động
<b>Khả năng thanh toán</b>							
Tỷ số thanh khoản hiện thời	Lần	1.32	1.34	1.35	1.45	1.37	— — — — —
Tỷ số thanh khoản nhanh	Lần	0.95	0.92	0.96	1.08	0.95	— — — — —
Tỷ số thanh toán tiền mặt	Lần	0.1	0.1	0.12	0.17	0.14	— — — — —
Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0.63	0.64	0.63	0.62	0.62	— — — — —
Tổng nợ vay/VCSH	Lần	1.02	1.03	1.05	1.03	0.89	— — — — —
Khả năng trả lãi tiền mặt	Lần	2.58	2.5	2.41	1.99	1.68	— — — — —
Khả năng thanh toán lãi vay	Lần	1.79	2.25	1.2	1.68	1.04	— — — — —
Tỷ lệ bảo đảm tài sản	Lần	2.3	2.22	2.24	2.28	2.48	— — — — —
<b>Hiệu quả quản lý tài sản</b>							
Số ngày thu hồi trên hàng tồn đọng	Ngày	76.14	82.16	93.59	96.56	102.93	— — — — —
Số ngày lưu thông hàng tồn kho	Ngày	336.58	386.92	424.62	467.87	517.47	— — — — —
Số ngày phải trả nhà cung cấp	Ngày	84.09	101.14	116.07	135.3	135.87	— — — — —
Vòng quay tiền mặt	Ngày	328.63	367.94	402.14	429.13	484.53	— — — — —
<b>Tỷ suất sinh lời</b>							
Biên lợi nhuận gộp	%	24.54	28.19	24.85	32.03	28.69	— — — — —
Biên lợi nhuận ròng	%	6.18	6.89	4.88	5.78	4.59	— — — — —
<b>Tăng trưởng</b>							
Tăng trưởng doanh thu	%	14.52	2.24	-11.39	1.87	-8.19	— — — — —
Tăng trưởng lợi nhuận	%	59.69	60.78	8.65	-85.45	-213.54	— — — — —

Nguồn: FiinGate

- Các yếu tố vĩ mô có thể tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của các công ty trong ngành BĐS, vốn đã ghi nhận hoạt động suy giảm trong năm 2022 với tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận đều ghi nhận kết quả âm trong năm này.
- Ngoài ra, số ngày tồn kho và số ngày phải thu trung bình năm 2022 cũng chứng kiến sự tăng đáng kể từ 468 ngày lên 517 ngày và từ 96 ngày lên 103 ngày, cho thấy dấu hiệu các doanh nghiệp bất động sản đang gặp vấn đề về dòng tiền.

**Tóm lại, mức độ rủi ro tăng cao đối với các ngành này phản ánh sự tác động qua lại phức tạp của các thách thức kinh tế, bao gồm lạm phát gia tăng, lãi suất cao hơn, suy thoái kinh tế toàn cầu và những khó khăn cụ thể của khu vực trong nước.**

Điều cần thiết là các bên liên quan trong các ngành này phải luôn cảnh giác và thích ứng với bối cảnh kinh tế đang phát triển để vượt qua những rủi ro này một cách hiệu quả.

Do chưa có số liệu tài chính 2023 nên kết quả điểm rủi ro chỉ phản ánh 1 phần nào đó tình hình hoạt động của các ngành kinh doanh tại Việt Nam. Kết quả 2023 và dự báo 2024 sẽ được cập nhật khi dữ liệu đầu vào được cung cấp đầy đủ hơn.

# Triển vọng 2024

Triển vọng phục hồi kinh tế ở Việt Nam vào năm 2024, bao gồm các động lực và rủi ro tăng trưởng

## Động lực tăng trưởng



Xuất khẩu hồi phục trong nửa sau 2024



Dòng vốn FDI vào Việt Nam tiếp tục cải thiện



Dấu hiệu phục hồi nhu cầu tiêu dùng



Giải ngân đầu tư công tăng

## Rủi ro



Kinh tế Mỹ và Trung Quốc tăng trưởng chậm hơn dự báo



Thị trường bất động sản đóng băng còn kéo dài



Nguồn vốn doanh nghiệp vẫn khó khăn



Căng thẳng địa chính trị ra tăng và việc thực thi chính sách chậm

Chi tiết dự báo triển vọng 2024 về các ngành sẽ được cập nhật sau khi thêm dữ liệu báo cáo tài chính 2023 của các doanh nghiệp.

## Contact Information

### Hanoi Head Office

**Address:** 10th Floor, Peakview Tower,  
36 Hoang Cau, O Cho Dua, Dong Da, Hanoi,  
Vietnam

**Tel:** (84-24) 3562 6962

**Email:** [info@fiingroup.vn](mailto:info@fiingroup.vn)

### Ho Chi Minh City Branch

**Address:** Level 46, Bitexco Financial Tower, 2 Hai  
Trieu St. Ben Nghe Ward, Dist. 1, Ho Chi Minh City,  
Vietnam

**Tel:** (84-28) 3933 3585/86

**Email:** [info@fiingroup.vn](mailto:info@fiingroup.vn)

